

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2024/HNGĐ-ST.

Ngày 15-8-2024.

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Như Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Thái;

Ông Nguyễn Xuân Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Tấn Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 313/2024/HNGĐ-ST ngày 02-7-2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Nguyễn Thành D, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ H, Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh- Vắng mặt có đơn xin.

Bị đơn: chị Huỳnh Thị Mai H, sinh năm 1995; Nơi ĐKKHKT: Tổ H, Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh. Tạm trú: ấp T, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh- Vắng mặt có đơn xin.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Thành D trình bày thể hiện trong hồ sơ:

Anh và chị H chung sống từ năm 2019, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh vào ngày 11-4-2019. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống cùng cha mẹ anh Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 15-10-2023 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ không đi làm mà lại nói đi làm nên vợ chồng cãi vã nhau, vợ bỏ về nhà cha mẹ ruột sống đến nay. Vợ chồng ly thân từ ngày 15-10-2023 đến

nay. Sau khi vợ bỏ đi thì vợ chồng không gặp mặt nói chuyện hòa giải, anh chỉ gọi điện thoại nhưng vợ không nghe máy. Cha mẹ hai bên không có hòa giải cho vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thành N, sinh ngày 22-8-2022, hiện nay con đang sống cùng anh.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Vợ chồng anh không nợ tài sản của ai và cũng không ai nợ tài sản gì của vợ chồng cả.

Nay anh yêu cầu ly hôn với chị H. Về con chung: sau khi ly hôn con chung anh đồng ý giao cho vợ nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Huỳnh Thị Mai H trình bày thể hiện trong hồ sơ:

Chị thống nhất lời trình bày của anh D về ngày tháng chung sống, kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung và thời gian ly thân là đúng. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cách nuôi dạy con dẫn đến cãi vã nhau gây mất hạnh phúc gia đình.

Nay chị đồng ý ly hôn với anh D. Về con chung chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Thành D đối với chị Huỳnh Thị Mai H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành N, sinh ngày 22-8-2022 cho chị H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh D, chị H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D, chị H là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh D, chị H chung sống với nhau từ năm 2019, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh vào ngày 11-4-2019. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống cùng cha mẹ anh D tại Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 15-10-2023 thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và thiếu sự tin tưởng nhau, dẫn đến cãi vã nhau gây mất hạnh phúc gia đình. Nay anh D yêu cầu được ly hôn và chị H cũng đồng ý ly hôn. Từ đây cho thấy mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay anh D yêu cầu ly hôn với chị H, nhận thấy có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: cháu Nguyễn Thành N, sinh ngày 22-8-2022 hiện đang sống cùng anh D. Xét thấy, các cháu hiện chưa đủ 36 tháng tuổi; qua làm việc chị H yêu cầu được nuôi con và anh D cũng đồng ý giao con cho chị nuôi. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy nên giao chị H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nghĩa là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

[4] Về tài sản, nợ chung: Anh D, chị H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí: Anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Thành D đối với chị Huỳnh Thị Mai H. Anh Nguyễn Thành D được ly hôn với chị Huỳnh Thị Mai H.

2. Về con chung:

- Buộc anh Nguyễn Thành D có nghĩa vụ giao cháu Nguyễn Thành N, sinh ngày 22-8-2022 cho chị H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

- Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị C đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015633 ngày 01-7-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng.(Anh D đã nộp đủ án phí).

5. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường An Hòa;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hà Như Thủy

